TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2024/QĐST-HNGĐ	

N, ngày 02 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 46/2024/TLST-HN ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1952.
  Địa chỉ: Ấp M, xã T2, huyện P, tỉnh H.
- *Bị đơn:* Bà **Phan Thị Thanh T1**, sinh năm 1952.
  Địa chỉ: Ấp M, xã T2, huyện P, tỉnh H.
  Chỗ ở: số 21 đường X, phường A, quận N, thành phố C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông **Nguyễn Xuân T** và bà **Phan Thị Thanh T1**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Phan Thị Thanh T1 và ông Nguyễn Xuân T thống nhất xác định tài sản là thửa đất có diện tích 81m^2 – loại đất ODT tọa lạc tại hẻm 167 đường 3/2, phường H1, quận N, thành phố C thuộc thửa đất số 296, tờ bản đồ số 19 theo GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 300953 (số vào sổ cấp GCN: CN 12609) do Sở tài nguyên và môi trường

thành phố C cấp ngày 08/01/2024, chỉnh lý sang tên bà Phan Thị Thanh T1 ngày 18/01/2024 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

- Bà Phan Thị Thanh T1 và ông Nguyễn Xuân T thống nhất chia tài sản chung như sau:

+ Ông Nguyễn Xuân T được sở hữu phần đất có diện tích 29,8m^2, loại đất ODT – phần A theo Bản trích đo địa chính số 271/TTKTTNMT ngày 25/3/2024 của T T1 kỹ thuật tài nguyên và môi trường – Sở tài nguyên và môi trường thành phố C lập, tọa lạc tại hẻm 167 đường 3/2, phường H1, quận N, thành phố C thuộc thửa đất số 296, tờ bản đồ số 19 theo GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 300953 (số vào sổ cấp GCN: CN 12609) do Sở tài nguyên và môi trường thành phố C cấp ngày 08/01/2024, chỉnh lý sang tên bà Phan Thị Thanh T1 ngày 18/01/2024 để cho ông Nguyễn Xuân T được đứng tên riêng.

+ Phần diện tích đất còn lại 51,2m^2 đất, loại đất ODT tọa lạc tại hẻm 167 đường 3/2, phường H1, quận N, thành phố C thuộc thửa đất số 296, tờ bản đồ số 19 theo GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 300953 (số vào sổ cấp GCN: CN 12609) do Sở tài nguyên và môi trường thành phố C cấp ngày 08/01/2024, chỉnh lý sang tên bà Phan Thị Thanh T1 ngày 18/01/2024 thuộc sở hữu riêng của bà Phan Thị Thanh T1.

Các đương sự được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để thực hiện thủ tục chỉnh lý, tách thửa đất để đứng tên riêng như vừa nêu trên.

(kèm theo bản trích đo địa chính số 271/TTKTTNMT ngày 25/3/2024 của T T1 kỹ thuật tài nguyên môi trường – Sở Tài nguyên và môi trường thành phố C lập).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T và bà Phan Thị Thanh T1 được miễn án phí do ông T và bà T1 là người cao tuổi (trên 60).

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T tự nguyện chịu hết chi phí tố tụng 5.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân QNK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG